

Số: 7496 /TCHQ-KTIT

V/v: Thuế nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm

Hà Nội, ngày 9 tháng 2 năm 2006

Kính gửi: Cục Hải quan các tỉnh, thành phố.

Để thực hiện thống nhất về thủ tục miễn thuế nhập khẩu nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm để sản xuất quy định tại khoản 15 và 16, Điều 16 Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ; Tổng cục Hải quan hướng dẫn thực hiện như sau:

1- Theo quy định tại khoản 15 và 16, Điều 16, Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ hướng dẫn Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thì:

- Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất của các dự án thuộc Danh mục lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư quy định tại Phụ lục số I hoặc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị định này hoặc lĩnh vực sản xuất linh kiện, phụ tùng cơ khí, điện, điện tử được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 5 năm kể từ ngày bắt đầu sản xuất

- Nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để phục vụ sản xuất của dự án thuộc Danh mục khuyến khích đầu tư quy định tại Phụ lục I; bán thành phẩm trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để phục vụ sản xuất của dự án thuộc Danh mục đặc biệt khuyến khích đầu tư quy định tại Phụ lục I hoặc thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị định này được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 5 năm, kể từ ngày bắt đầu sản xuất.

- Phụ lục I và Phụ lục II, Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ được thay thế bằng Phụ lục I và Phụ lục II Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ.

2- Về thời hạn miễn thuế:

Đối với các Dự án có thời điểm bắt đầu sản xuất kể từ ngày 01/1/2006 trở đi sẽ thực hiện thời hạn miễn thuế 5 (năm) năm, tính theo năm dương lịch, kể từ khi bắt đầu sản xuất.

3- Về thủ tục hồ sơ miễn thuế nhập khẩu:

Theo hướng dẫn tại Mục I, Phần D Thông tư số 113/2005/TT-BTC ngày 15/12/2005 của Bộ Tài chính, thì hồ sơ doanh nghiệp phải nộp gồm:

- Danh mục hàng hóa nhập khẩu miễn thuế (đối tượng nộp thuế tự chịu trách nhiệm về bản danh mục này);
- Bản cam kết sử dụng đúng mục đích được miễn thuế của đối tượng nộp thuế;

- Giấy báo trúng thầu kèm theo hợp đồng cung cấp hàng hoá (đối với trường hợp tổ chức cá nhân trúng thầu nhập khẩu hoặc uỷ thác nhập khẩu hàng hoá) trong đó có quy định giá trúng thầu không bao gồm thuế nhập khẩu;
- Hợp đồng uỷ thác nhập khẩu (nếu có).

Doanh nghiệp tự khai Danh mục nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm nhập khẩu miễn thuế để phục vụ sản xuất của Dự án và lập phiếu theo dõi trù lùi (theo mẫu của cơ quan Hải quan), lập thành 02 bản và đăng ký với Cục Hải quan nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính hoặc cơ quan Hải quan nơi thuận tiện, trong trường hợp nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính không có cơ quan Hải quan.

Cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục hải quan cho lô hàng nhập khẩu, căn cứ vào Danh mục phân loại chi tiết nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện do Bộ Thương mại ban hành và Danh mục nguyên liệu, vật tư, bán thành phẩm mà trong nước đã sản xuất được ban hành kèm theo Quyết định số 827/2006/QĐ-BKH ngày 15/8/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và hồ sơ doanh nghiệp nộp, đối chiếu với các quy định hiện hành để thực hiện việc miễn thuế cụ thể cho từng lô hàng.

4- Hàng năm, Cục Hải quan nơi doanh nghiệp có hàng hoá hoá đăng ký Danh mục hàng hoá nhập khẩu, phối hợp với Cục Thuế địa phương tiến hành kiểm tra sau thông quan tại doanh nghiệp, nếu phát hiện sử dụng nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bán thành phẩm không đúng với mục đích được miễn thuế hoặc không đem vào sản xuất (số còn tồn) thì ra quyết định truy thu thuế theo quy định.

Tổng cục Hải quan thông báo để Cục Hải quan các tỉnh, thành phố được biết, thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu gặp khó khăn, vướng mắc thì kịp thời báo cáo về Tổng cục Hải quan (Vụ KTTT) để có hướng dẫn tiếp.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục KTSTQ;
- Lưu: VT, KTTT (4).

KT.TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Ngọc Lύ